

**Y ĐỨC, Y LÝ VÀ Y THUẬT CỦA HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG  
NHỮNG GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN**

**Phạm Xuân Phong, Trịnh Hoài Nam**

*Viện Y học cổ truyền Quân đội*

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Lê Hữu Trác (黎有卓, tên hiệu: **Hải Thượng Lãn Ông** – 海上懶翁, 1724-1791), là một đại danh y tài năng, xuất chúng của nền y học Việt Nam thế kỷ XVIII. Ông là tác giả của bộ sách 28 tập **Hải Thượng Y tông tâm lĩnh** (海上医宗心领), được coi là "Bách khoa thư Y học" đầu tiên của Việt Nam. Bộ sách là những lĩnh hội tâm huyết về ngành Y của Hải Thượng, bao gồm những nội dung lớn về y học cổ truyền: y đức, y lý cơ bản, triết lý, dịch lý, bệnh học, điều trị các khoa và phương tễ. Ngoài ra, bộ sách còn đề cập đến các vấn đề vệ sinh, nấu ăn, nữ công gia chánh và Thượng kinh ký sự còn là tác phẩm văn học lớn của thời kỳ bấy giờ. Bộ sách được đánh giá cao trong nước và ngoài nước, đánh dấu một bước tiến mới của sự nghiệp y học cổ truyền Việt Nam. [1],[2],[3]

Hải Thượng Lãn Ông là thầy thuốc có tinh thần học tập suốt đời, Ông đã tiếp thu, chắt lọc những tư tưởng, tinh hoa y học cổ

truyền của các y gia đời trước cả trong và ngoài nước, đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn để phát triển chuyên môn. Ông còn là người hết lòng thương yêu người bệnh, một nhân cách cao thượng đã có nhiều đóng góp về y thuật, y lý cho nền y học nước nhà và là tấm gương sáng ngời về y đức cho các thế hệ thầy thuốc Việt Nam sau này. [1],[3]

Hải Thượng Lãn Ông là người đầu tiên đưa ra những quan điểm mới về y đức trong lịch sử y học Việt Nam. Những tư tưởng tiến bộ về y đức của Ông được truyền lại qua bộ “Hải Thượng y tông tâm lĩnh”, chủ yếu được chắt lọc, hội tụ trong “Y huấn cách ngôn” nhằm giáo huấn để xây dựng đạo đức người thầy thuốc. Bên cạnh đó y đức của Ông còn tỏa sáng qua “Y âm án”, tự thuật lại những ca bệnh khó, điều trị thất bại và những trở trờ, day dứt của Ông muốn thầy thuốc đời sau lấy đó làm bài học kinh nghiệm. Qua từng tác phẩm để lại mới thấy ở con người Ông có sự nhất quán về y đức trong suy nghĩ, lời nói và việc làm, thể hiện được phẩm chất

cao đẹp, tấm lòng nhân hậu của người thầy thuốc hết lòng vì người bệnh. Chính vì vậy, tư tưởng về y đức, y lý, y thuật của Ông đến nay vẫn còn những giá trị trường tồn và là phương châm chỉ đạo cho các thầy thuốc noi theo.

## **I. NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ CUỘC ĐỜI CỦA HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG**

Ông sinh ra trong thời kỳ phong kiến thế kỷ XVIII có nhiều biến động về chính trị, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo và truyền thống khoa bảng của gia đình nhưng Ông đã quyết tâm lựa chọn cho mình một con đường riêng - dấn thân vào nghề y, khi đó vẫn còn chưa được coi trọng ở nước ta. [4]

Thời cuộc loạn lạc, chính sự có nhiều thay đổi, tư tưởng sĩ phu hoang mang, nhiều người đã lui về ở ẩn, tìm cho mình nơi bình an để chờ thời. Là người thông minh, học giỏi, thơ hay lại thuộc dòng dõi khoa bảng, nên mặc dù tuổi trẻ nhưng Ông đã sớm nhìn ra thế sự, không ham danh vọng, từng trải qua binh nghiệp, nhân lo việc gia đình Ông đã rời khỏi quân ngũ. Về quê ngoại ở Hương Sơn, đóng cửa đọc sách tu thân, nhưng chẳng may bị bệnh, nhờ có cụ lương y Trần Độc cứu giúp Ông mới qua

khỏi. Trong những ngày tháng chữa bệnh, với tinh thần ham học hỏi lại thấy sự hữu ích của nghề y, Ông tìm đọc sách thuốc và được người thầy đầu tiên giảng dạy những điều chưa tỏ nên mở mang kiến thức dần. "*Quá nho sang y*" là con đường mà nhiều nhà nho đã lựa chọn, cụ Trần Độc cũng xuất thân là nho sĩ, sau mới theo nghề thuốc. Trải qua những tháng ngày học tập như vậy nên Ông cho rằng: "*Phàm người học thuốc, tất phải hiểu thấu lý luận đạo Nho, có thông lý luận đạo Nho thì học thuốc mới dễ.*"

Từ một người chỉ quen dùi mài kinh sử, văn ôn, võ luyện theo quan điểm Nho giáo, nhờ có được cơ duyên đến với nghề, sẵn trí tuệ và chăm chỉ nên Ông lĩnh hội được và quyết tâm theo đuổi chỉ hướng nghề thuốc để chữa bệnh cứu người. Khái niệm y đức của Hải Thượng Lãn Ông là tâm huyết dành cho nghề y: "*Đã hiến thân cho nghề thuốc thì phải biết quên mình để dồn hết tâm lực vào trước thuật, trước là cứu người, sau là đức kết để dựng nên ngọn cờ đỏ thắm giữa y trường.*"

Trong quá trình học và làm nghề Ông nghiên cứu nhiều sách thuốc trong và ngoài nước và đã đúc rút được những kinh nghiệm quý báu, cùng với tấm lòng yêu

thương người bệnh, đã giúp Ông ngày càng tiến bộ về y lý, y thuật và trau dồi về y đức. Tiếng tăm về nghề nghiệp của Ông nổi tiếng khắp vùng Hoan Châu lúc bấy giờ. Ông lấy biệt danh Lãn Ông với nghĩa là *Ông già lười*, nhưng thực tế có thể đánh giá về Ông: *lười ở đây là lười với công danh, phú quý, nhưng lại rất chăm chỉ, cần mẫn, chuyên tâm đối với sự nghiệp chữa bệnh, cứu người.*

Trong những ngày tìm hiểu y học và làm thuốc giúp dân ở Hương Sơn, Lê Hữu Trác cảm thấy tâm hồn mình được thanh thản, thư thái, không còn bị khuấy động vì công danh lợi dục nữa. Cho nên bao nhiêu tâm huyết của Ông đều dành cho sự nghiệp y học chữa bệnh cho người dân, thời giờ rảnh rỗi viết sách và truyền dạy cho môn đệ.

Y đức của Hải Thượng chính là “đức nhân” theo quan điểm “nghề y là một nhân thuật”. “Nhân” là đức tính cơ bản của người làm nghề y, điều kiện tiên quyết để vào nghề y. Theo Ông, người thầy thuốc chân chính cần có 8 chữ răn mình: *Nhân - Minh - Đức - Trí - Thành - Lượng - Khiêm - Cẩn (tức là lòng yêu thương, sự sáng suốt, đức độ lòng tốt thiện, hiểu biết, thành thực rộng lượng,*

*khiêm tốn, cần cù)*, chữ “Nhân” đứng đầu trong 8 chữ ấy.

Đức nhân cần cho mọi người, nhưng người thường mà nhân chỉ giúp được cho một số ít người, người thầy thuốc mà nhân thì giúp được cho rất nhiều người. Cho nên nhân phải là đức căn bản của người thầy thuốc, có như vậy mới làm trọn sứ mạng được giao phó.

Ông đúc kết trong “Y âm án”: Nghề y là một nghề “*nhân đức*”, người thầy thuốc luôn phải suy nghĩ về 4 chữ “*từ, tế, hoạt, nhân*”, hàng ngày bồi đắp “*tám chữ xây*”, và chống lại “*tám tội*”, được như vậy mới khỏi thẹn hai chữ “*nhân thuật*”.

Bản thân Ông có sự thấm đẫm và dung hợp giữa triết lý nhân sinh của Nho, Lão, Phật và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, thông qua quá trình tôi luyện nghề nghiệp mà từ đó hình thành ở Ông một nhân cách lớn, tư tưởng nhân sinh quan mới có sự chọn lọc mang tính hệ thống và sâu sắc về y đức.

Con người thầy thuốc là vậy mà con người xã hội trong Ông cũng là tấm gương lớn về nhân cách. Hải Thượng Lãn Ông là hiện thân của tấm lòng cương trực, chí khí thanh cao, không màng công danh phú quý, không nịnh hót kẻ

giàu sang. Vào đầu xuân năm Cảnh Hưng 43 (1782), ông nhận được lệnh Chúa Trịnh triệu về kinh chữa bệnh cho Thế tử Trịnh Cán. Ông thượng kinh chữa bệnh được Chúa Trịnh yêu mến tài đức và ban thưởng. Nhưng những điều mắt thấy tai nghe ở phủ Chúa, chốn phồn hoa đô hội Thăng Long không giữ được thân tâm của Ông. Từ lâu Ông đã không còn màng đến “*cái chí bon chen trong trường danh lợi*” nên sợ sau khi điều trị khỏi thì sẽ bị giữ lại phủ Chúa làm việc lâu dài do vậy Ông quyết tâm về quê để giúp được nhiều học trò, người bệnh và viết sách truyền cho hậu thế sau này... [1],[2]

Tư tưởng đạo đức nhân sinh của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là tư tưởng phục vụ con người và phục vụ nhân dân. Giá trị này là một trong những giá trị quan trọng, cốt lõi xuyên suốt sự nghiệp của ông, phản ánh một giá trị nhân bản sâu sắc, là nhằm vào phục vụ con người cả hai phương diện thể chất và tinh thần. Tư tưởng đạo đức nhân sinh Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác thể hiện lòng

Cuốn sách “*Từ điển Tinh hoa thuật ngữ danh từ đông y*” là cuốn từ điển nổi tiếng hàng đầu về Đông y do Nhà xuất bản Khoa học

yêu nước, thương dân và tài năng y thuật xuất chúng. [5]

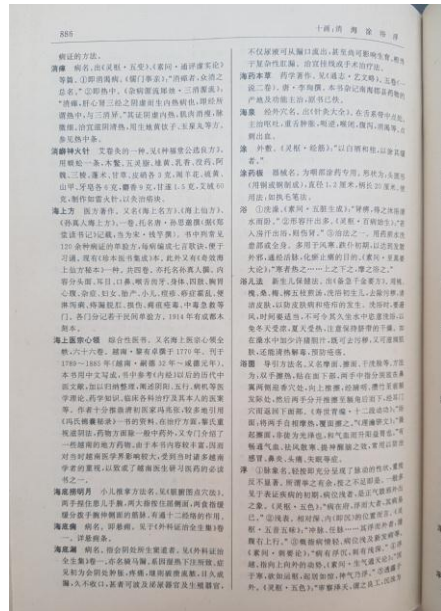
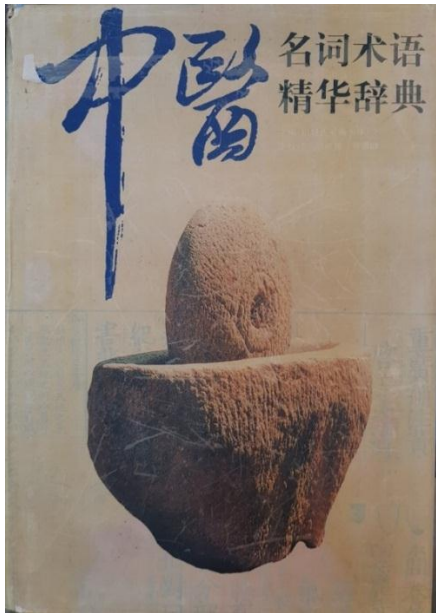
## **II. HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH - THÀNH TỰU NỔI BẬT**

“Hải Thượng y tông tâm lĩnh” là thành tựu nổi bật nhất trong sự nghiệp của Hải Thượng Lãn Ông, được biên soạn trong khoảng ba chục năm trời cho đến khi mất, đến nay vẫn có tầm ảnh hưởng rất lớn đến các thầy thuốc đời sau. Lê Hữu Trác đã “*vắt gan, vắt ruột*”, đem hết tâm trí, sức lực tham khảo các sách thuốc nổi tiếng như: Bảo sinh diên thọ toàn yếu, Toàn thư của Cảnh Nhạc, Hồng nghĩa giác tự y thư, Nam dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh ... Ông tổng hợp những thành tựu của y học dân tộc đến thế kỷ thứ XVIII, kết hợp với những nghiên cứu và kinh nghiệm chữa bệnh của bản thân để biên soạn bộ sách Hải Thượng y tông tâm lĩnh. Bộ sách này gồm 28 tập, 66 quyển, đề cập tới hầu hết các lĩnh vực và vấn đề của Y học cổ truyền, có giá trị khoa học và thực tiễn hết sức to lớn, truyền lại cho đời sau. [1],[2],[3]

kỹ thuật Thiên Tân - Trung Quốc phát hành, dày 1200 trang với hơn 2 vạn mục từ. Từ điển có riêng mục từ về Hải Thượng y tông tâm

lĩnh và đánh giá “Đây là một trong những bộ sách bắt buộc phải đọc và có tầm ảnh hưởng rất lớn cho những người hành nghề y của Việt Nam”. Các tác giả Trung Quốc đã

có nhận xét khái quát và khách quan về bộ sách, cho thấy được vai trò và vị trí của tác phẩm với các thầy thuốc đương thời và hậu thế. [6]



Từ điển Tinh hoa thuật ngữ danh từ đông y (Trung Quốc)

Tập đầu tựa đề năm 1770 gồm mục lục bộ sách, tập thơ “Y lý thâm nhàn” ngâm vịnh ngẫu hứng trong khi làm nghề y, một thiên “Y huấn cách ngôn” nói về đạo đức của người thầy thuốc và một thiên “Y nghiệp thần chương” khái quát nội dung của bộ sách. Trong đó:

- Quyển 1: “Nội kinh yếu chỉ”, trích những điểm thiết yếu của kinh điển đông y.

- Quyển 2: “Y gia quan miện” phân tích và tổng hợp lý luận cơ bản về âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc, khí huyết, chẩn đoán, mạch học, bệnh lý, trị pháp.

- Quyển 3, 4, 5: “Y hải cầu nguyên” nêu lên những quy luật chung về bệnh cơ và nguyên tắc trị liệu.

- Quyển 6: “Huyền tấn phát vi” nói về tiên thiên thủy hỏa - “Mệnh môn”, cơ năng sinh lý và

bệnh lý của chân thủy, chân hỏa, cùng phép chữa.

- Quyển 7: “Khôn hóa thái chân” bàn về hậu thiên tỳ vị, cơ năng tiêu hóa và tác dụng của khí huyết, bệnh lý và phép chữa.

- Quyển 8: “Đạo lưu dư vận” biện luận và bổ xung những điểm y lý chưa rõ hay còn thiếu ở các sách xưa.

- Quyển 10 và 11: “Dược phẩm vãng yếu” nói về dược tính 150 vị thuốc Bắc, Nam phân loại theo ngũ hành.

- Quyển 12 và 13: “Lĩnh nam bản thảo”; Quyển Thượng chép 496 vị thuốc nam thừa kế của Tuệ Tĩnh, Quyển Hạ chép 305 vị bổ sung về công dụng hoặc mới phát hiện thêm.

- Quyển 14: “Ngoại cảm thông trị” nói về đặc tính bệnh ngoại cảm ở nước ta và các phương thuốc sáng chế để điều trị theo các thể bệnh.

- Quyển 15 đến 24: “Bách bệnh cơ yếu”; bệnh học nội khoa 10 quyển: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

- Quyển 25: “Y trung quan kiện” tóm tắt phương pháp điều trị các bệnh.

- Quyển 26, 27: “Phụ đạo xán nhiên” chuyên về phụ khoa.

- Quyển 28: “Tọa thảo lương mô” chuyên về sản khoa.

- Quyển 29 đến 33: “Ấu ấu tu tri” chuyên về nhi khoa.

- Quyển 34 đến 43: “Mộng trung giác đậu” chuyên về bệnh đậu mùa (10 quyển).

- Quyển 44: “Ma chân chuẩn thẳng” chuyên về bệnh sởi.

- Quyển 45: “Tâm đắc thân phương” gồm 70 phương thuốc chọn lọc trong sách “Phùng thị cảm nang bí lục” của tác giả Phùng Triệu Trương (đầu thời nhà Thanh).

- Quyển 46: “Hiệu phòng tân phương” chép 29 phương thuốc hiệu nghiệm do Hải Thượng Lãn Ông sáng chế.

- Quyển 47, 48, 49: “Bách gia trân tàng” ghi trên 600 phương thuốc kinh nghiệm thu lượm trong nhân dân và thừa kế của ngoại tổ Ông là Bùi Diệm Đăng.

- Quyển 50 đến 57: “Hành giản trân nhu” (8 quyển) chép trên 2000 phương thuốc chọn lọc trong các bản thảo đời trước, như “Nam dược thần hiệu” của Tuệ Tĩnh hay thu nhập trong dân gian.

- Quyển 58: “Y phương hải hội” gồm 200 cổ phương đông y.

- Quyển 59 - 60: “Y dương án” chép 17 bệnh án chữa khỏi, và “Y âm án” chép 12 bệnh án tử vong.

- Quyển 61: “Truyền tân bố chí” được gọi là châu ngọc cách ngôn thâu tóm các điều cốt yếu nhất về quy tắc chẩn đoán, biện chứng, dùng thuốc trị bệnh.

- Quyển 62-63: “Vệ sinh yếu quyết” chuyên về dưỡng sinh, vệ sinh phòng bệnh.

- Quyển 64: “Bào thai thần hiệu toàn thư giải âm” đề cập đến những kiến thức về phụ sản, giữ gìn trong khi mang thai.

- Quyển 65: “Nữ công thắng lãm” nói về cách nấu nướng.

- Quyển 66: “Thượng kinh ký sự” kể lại hành trình của Hải Thượng Lãn Ông lên kinh đô chữa bệnh cho Thế Tử Trịnh Cán năm 1782.

Hải Thượng y tông tâm lĩnh là một kỳ công trước tác, đã được Hải Thượng Lãn Ông dày công nghiên cứu, biên soạn hoàn chỉnh bổ sung công phu, với nhiều chuyên khoa khác nhau. Việc thừa kế, học tập những kiến thức được truyền thụ qua Hải Thượng y tông tâm lĩnh vẫn còn rất nhiều dư địa để các thầy thuốc đời sau tiếp tục nghiên cứu, khai thác và ứng dụng vào thực tiễn lâm sàng.

Qua thống kê số luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ của học viên đã từng học tập tại Viện YHCT Quân đội cho thấy tỷ lệ trích dẫn tác phẩm của Hải Thượng Lãn Ông: 13/19 luận án tiến sĩ YHCT (chiếm 68,4% số luận án), 65/102 luận văn thạc sĩ YHCT (chiếm 63,7% số luận văn), tính chung tỷ lệ trích dẫn cho cả 2 nhóm 78/121, chiếm 64,5%. Với kết quả tỷ lệ trích dẫn cao về tác phẩm Hải Thượng y tông tâm lĩnh qua các luận văn, luận án tại Viện YHCT Quân đội đã minh chứng cho thấy sức lan tỏa, sự truyền bá của tác phẩm đã rộng khắp trong và ngoài nước. Đặc biệt những đóng góp lớn về y lý và y thuật đầy tính khoa học càng làm nổi bật lên trí tuệ của Ông. Và những điều này có được nhờ xây dựng trên nền y đức sâu rộng với tư tưởng nhân văn rộng khắp của Ông, cả trong sách vở truyền lại và trong câu chuyện hàng ngày khi tiếp xúc với người bệnh.

### **III. TẤM GƯƠNG Y ĐỨC CỦA HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG**

#### **3.1. Tấm gương về tinh thần trách nhiệm của người thầy thuốc trước người bệnh**

Hải Thượng Lãn Ông đã từng nói: "*Suy nghĩ sâu xa, tôi hiểu rằng thầy thuốc là người bảo vệ*

*tính mạng con người: sống chết trong tay mình nắm, phúc họa trong một tay mình giữ. Thế thì đâu có thể kiến thức không đầy đủ, đức hạnh không trọn vẹn, tâm hồn không rộng lớn, hành vi không thận trọng mà dám liều lĩnh học đòi cái nghề cao quý đó chằng!".* (Y âm án)

Ông cho rằng người thầy thuốc là người bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho người dân do vậy cần phải siêng năng, chịu khó học tập, bồi đắp kiến thức thường xuyên liên tục mới có thể hành nghề mà không dẫn đến sai sót trong chuyên môn. Ông nói: *"Khi có thời giờ nhàn rỗi, nên luôn luôn nghiên cứu các sách thuốc xưa nay. Luôn luôn phát huy biến hóa, thu nhập được vào Tâm, thấy rõ được ở mắt thì tự nhiên ứng vào việc làm mà không phạm sai lầm."* (Y huấn cách ngôn)

Trong công việc chữa bệnh hàng ngày Ông tự xác định cho mình một phương châm xử thế: *"Đối với người giàu sang không bị động vì lợi dục, đối với người nghèo hèn không dám coi thường sự sống chết"* (Y âm án).

Vai trò của người thầy thuốc trước người bệnh rất quan trọng, đặc biệt trong những tình huống nguy cấp, người bệnh cần

sự giúp đỡ của người thầy thuốc thì phải luôn sẵn sàng có mặt. Không nên chỉ vì những thú vui tầm thường của người thầy thuốc mà có thể ảnh hưởng đến tính mạng người bệnh. Nhận thức được nhiệm vụ quan trọng của người thầy thuốc do vậy Ông cho rằng: *"Phàm thầy thuốc nên nghĩ đến việc giúp đỡ người, không nên tự ý cầu vui như mang rượu lên núi, chơi bời ngắm cảnh, vắng nhà chốc lát, lỡ có bệnh cấp cứu làm cho người ta sốt ruột mong chờ, nguy hại đến tính mạng con người. Vậy cần biết nhiệm vụ mình là quan trọng như thế nào."* (Y huấn cách ngôn)

Trách nhiệm của người thầy thuốc phải thông báo về tình trạng người bệnh khi nguy cấp để gia đình cũng phối hợp cứu chữa cũng như tin tưởng hợp tác với người thầy thuốc trong quá trình chữa bệnh. *"Phàm gặp phải chứng bệnh nguy cấp, muốn hết sức mình để cứu chữa, tuy đó là lòng tốt, nhưng phải nói rõ cho gia đình người bệnh biết trước rồi mới cho thuốc. Lại có khi phải cho không cả thuốc, như thế thì người ta sẽ biết cảm phục mình. Nếu không khỏi bệnh cũng không có sự oán trách và tự mình cũng không hổ thẹn."* (Y huấn cách ngôn)



Ông bộc bạch: *“Tôi không nói được nghiệp nhà, xoay ra làm thuốc, phải nghĩ hết sức làm những việc nên làm, may ra cú không thẹn với đất, ngửa không thẹn với trời, dám e ngại chê khen, để phải hối hận với nhiệm vụ.”* (Y âm án)

Người thầy thuốc ý thức được trách nhiệm phải luôn sẵn sàng trong mọi tính huống điều trị đặc biệt những trường hợp cấp cứu thì thuốc phải được chuẩn bị đầy đủ, cân trọng và dùng loại tốt nhất, không tùy tiện lập phương thuốc mới để thử nghiệm trên người bệnh. Từ kinh nghiệm hành nghề, Ông đã rút ra bài học: *“Phàm chuẩn bị thuốc thì nên mua giá cao để được loại tốt. Theo sách Lôi Công để bào chế và bảo quản thuốc cho cẩn thận. Hoặc theo đúng từng phương mà bào chế, hoặc tùy bệnh mà gia giảm. Khi lập ra phương mới, phải phỏng theo ý nghĩa của người xưa, không nên tự lập ra những phương bừa bãi để thử bệnh. Thuốc sắc và thuốc tán nên có đủ. Thuốc hoàn và thuốc đơn nên chế sẵn. Có như thế mới ứng dụng được kịp thời, khi gặp bệnh khỏi phải bó tay.”* (Y huấn cách ngôn)

### **3.2. Tấm gương về y đức, giàu lòng nhân ái, tận tụy hết lòng vì người bệnh**

Đối với Hải Thượng Lãn Ông thì ngoài việc học tập để có khả năng thành một thầy thuốc, còn phải trau dồi đạo đức cho thật đầy đủ, do vậy thái độ và tư cách của người thầy thuốc là rất quan trọng.

Tinh thần phục vụ vô tư và trong sáng của Ông rất rõ ràng: *“Được mời đi thăm bệnh: nên tùy bệnh cần kíp hay không mà sắp đặt đi thăm trước hay sau. Chớ nên vì giàu sang hoặc nghèo hèn mà nơi đến trước chỗ tới sau hoặc bốc thuốc lại phân biệt hơn kém khi lòng mình có chỗ không thành thật, thì khó mong thu được kết quả.”* (Y huấn cách ngôn)

Ông nói: *“Khi tôi trẻ tuổi, bỏ nghiệp nho theo nghề thuốc, mười năm đèn sách, nghiên cứu đêm ngày dùi mài nghề nghiệp, chăm chăm chỉ nghĩ một lòng làm phúc giúp người”. Quan điểm “làm phúc giúp người” đó thể hiện Ông là người giàu lòng nhân ái, yêu thương con người.*

Hải Thượng Lãn Ông là tấm gương hết lòng vì người bệnh, không phân biệt sang hèn. Tính nhân văn của Hải Thượng Lãn Ông là quan tâm đến người nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn, yêu thương người bệnh. Đời sống của người dân thời kỳ đó còn

hiều khó khăn, cái ăn, cái mặc còn thiếu thốn, còn nghĩ gì đến chuyện thuốc men điều trị. Từ tấm lòng người thầy thuốc, hiểu rõ hoàn cảnh người bệnh Ông nhắc nhở: *“Khi đến xem bệnh ở những nhà nghèo túng hoặc những người mồ côi, góa bụa, hiếm hoi, càng nên chăm sóc đặc biệt. Vì những người giàu sang không lo không có người chữa, còn người nghèo hèn thì không đủ sức đón được thầy giỏi, vậy ta để tâm 1 chút họ sẽ được sống 1 đời. Còn như những người con thảo, vợ hiền, nghèo mà mắc bệnh, ngoài việc cho thuốc, lại còn tùy sức mình chu cấp cho họ nữa. Vì có thuốc mà không có ăn thì cũng vẫn đi đến chỗ chết. Cần phải cho họ được sống toàn diện mới đáng gọi là nhân thuật.”* (Y huấn cách ngôn). Đây là một quan điểm thực tế, thể hiện được tình thương xuất phát từ tấm lòng nhân hậu của người thầy thuốc.

Một câu chuyện đến nay còn được nhiều người truyền tụng *“Lãn Ông chữa bệnh cho một em bé con nhà thuyền chài nghèo khổ em bé mắc bệnh đậu mùa nặng, sẵn sóc hơn một tháng trời, không ngày nào bỏ vắng, ông cứu chữa được em lúc khỏi bệnh hoàn toàn. Ông không lấy tiền thuốc mà còn giúp đỡ gia đình em cả gạo, củi, dầu đèn.”* (Y dương án). Nếu xét

đến hoàn cảnh xuất thân của Lãn Ông và thành kiến của xã hội đương thời chúng ta mới thấy hết ý nghĩa cao quý trong việc làm trên đây của ông.

Gặp bệnh nhân hiếm nghèo, Lãn Ông không ngại khó khăn, tránh tiếng, hết lòng cứu chữa, đôi lúc Ông còn băn khoăn *“e rằng y lý mênh mộng không tránh khỏi thiếu sót, hoặc giá bệnh nặng thuốc nhẹ chưa đủ sức chăng?”*. (Y âm án)

Tấm lòng nhân ái của Ông chính là thái độ khi tiếp xúc với người bệnh, thể hiện sự nghiêm túc, kính trọng và nhân ái đối với người bệnh. Không phân biệt đối xử với bất kể tầng lớp nào và đối với phụ nữ phải nghiêm túc triệt để. Ông nói *“Khi xem bệnh cho đàn bà, con gái, đàn bà góa hoặc ni cô cần phải có người bên cạnh để tránh sự nghi ngờ, dù là hạng buôn hương bán phấn cũng vậy, phải đứng đản xem họ như con nhà tử tế, chớ nên đùa cợt mà mang tai tiếng, bất chính sẽ hậu quả về tà tâm”*. (Y huấn cách ngôn)

### **3.3. Tấm gương về sự khiêm tốn, trong sạch**

Lãn Ông luôn luôn tỏ ra khiêm tốn hoà nhã, không khinh thường ai, không tự kiêu, tự đại, luôn luôn kính trên nhường dưới,

chịu khó học hỏi vì nghề y luôn cần phải học tập suốt đời. Sự tôn kính của Ông với người Thầy (Phùng Triệu Trương) trong sách “Phùng thị cầm nang bí lục”, với những đồng nghiệp giữ phép khiêm nhường để tiếp thu kiến thức, nhưng Ông cũng thể hiện trách nhiệm của người có nhiều kinh nghiệm, hiểu biết sẵn sàng chỉ bảo, chia sẻ, giúp đỡ đồng nghiệp, học trò. Ông chính là tấm gương mẫu mực cho thuật xử thế: “*Đối với người lớn tuổi thì mình phải kính trọng, người học giỏi thì phải xem như bậc thầy, người kiêu ngạo thì mình nên khiêm nhường, người kém hơn mình thì mình dìu dắt họ học tập*”. Con người của Ông nhân từ, độ lượng và sâu sắc là thế.

Ông cho rằng, nghề làm Thầy phải trong sạch, coi trọng tinh thần phục vụ nhân dân, trách nhiệm cứu tính mạng người bệnh là trên hết, không mưu cầu của cải vật chất tầm thường. Ông có tấm lòng ngay thẳng, chí khí thanh cao không luồn cúi công danh phú quý, nịnh hót kẻ giàu sang. Ông hiểu bản tính của người dân Việt Nam vốn thuần hậu, luôn xem trọng điều ân nghĩa, mang ơn ai luôn tìm cách đền ơn, hướng chi việc cứu mạng là việc lớn nên người ta thường quan tâm khoản đãi, hoặc cho quà hậu hĩnh; một số thầy

thuốc lợi dụng tâm lý này để đòi hỏi quá đáng không đúng với tinh thần phục vụ của Lãn Ông. Hiểu điều đó, nên Ông dạy rằng “*Nghề làm thầy là nghề thanh cao, ta là thầy thuốc phải giữ khí tiết cho trong sạch... khi chữa cho ai khỏi bệnh rồi chớ nên mưu cầu quà cáp... phải quên mình cứu người, ngoài ra tất cả chỉ là mây trôi*”. (Y huấn cách ngôn)

Từ những lời dạy bảo của các bậc tiên hiền về lòng tử tế, Ông suy ngẫm và đã đúc rút: “*Đạo làm thuốc là một nhân thuật chuyên bảo vệ sinh mạng con người, phải lo cái lo của người và vui cái vui của người, chỉ lấy việc cứu sống mạng người làm nhiệm vụ của mình, không nên cầu lợi, kể công*.” (Y huấn cách ngôn)

Ông cũng dẫn dụ phương ngôn để làm động lực cống hiến cho người thầy thuốc: “*Ba đời làm thuốc có đức thì đời sau con cháu tất có người làm nên khanh tướng*” đó phải chăng là do có công vun trồng từ trước?

Tuy vậy, trong quá trình hành nghề Ông cũng đã mắt thấy, tai nghe nhiều câu chuyện liên quan đến những người thầy thuốc với việc làm sai đạo lý. Ông lên tiếng cảnh báo rằng: “*Thường thấy người làm thuốc, hoặc nhân bệnh cha mẹ*

người ta ngất nghèo hoặc bất bí người ta lúc đêm tối, trời mưa, có bệnh nguy cấp: bệnh dễ chữa bảo là khó chữa, bệnh khó bảo là không trị được, giờ lối quý quyết đó để thỏa mãn yêu cầu, rắp tâm như thế là bất lương. Chữa cho nhà giàu thì tỏ tình sốt sắng, mong được lợi nhiều, chữa cho nhà nghèo thì ra ý lạnh nhạt, sống chết mặc bay. Than ôi! Dem nhân thuật làm chước đối lừa, đem lòng nhân đổi ra lòng mua bán, như thế thì người sống trách móc, người chết oán hờn không thể tha thứ được!”. Những lời chỉ bảo sâu sắc của Hải Thượng Lãn Ông là sự cảnh báo cho thế hệ sau cần phải luôn rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân mình đứng trước cám dỗ của vật chất tầm thường không được cầu danh, trục lợi, giữ tâm mình trong sáng để phục vụ người bệnh.

Trong Dương án - Âm án, ngoài việc tổng kết những ca bệnh thành công, Ông không ngần ngại nêu những điều bản thân mình chưa làm được, chưa giải thích được để đời sau suy nghĩ, nghiên cứu.

Khái niệm Y đức hiện nay: *Y đức là phẩm chất tốt đẹp của người làm công tác y tế, được biểu hiện ở tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ, hết lòng thương yêu chăm sóc người bệnh, coi họ*

*đau đớn như mình đau đớn, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Lương y phải như từ mẫu". Phải thật thà đoàn kết, khắc phục khó khăn, học tập vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ, toàn tâm toàn ý xây dựng nền Y học Việt Nam. Y đức phải thể hiện qua những tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức được xã hội thừa nhận. [7]*

Từ khái niệm y đức ở trên, đối chiếu với những tư liệu về y đức của Hải Thượng Lãn Ông có thể thấy được nhiều điểm tương đồng về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, lòng nhân ái, tận tụy hết lòng vì người bệnh của Ông. Vì vậy, Ông chính là tấm gương y đức sáng ngời cho các thầy thuốc hiện nay học tập và noi theo.

#### **IV. Y LÝ VÀ Y THUẬT**

Hải Thượng Lãn Ông, bên cạnh y đức sáng ngời, còn là một y gia có lý luận sâu sắc, điều này còn được chứng minh qua các tác phẩm y học của Ông và là một thầy thuốc giỏi chữa thành công nhiều ca bệnh khó.

Trong “Y nghiệp thân chương”, Ông nói: *“Người thầy thuốc là nơi để người ta gửi gắm tính mệnh. Nhưng những người làm thầy thuốc ở đời thường cho là dễ dàng. Tôi làm nghề thuốc lại cho rất khó. Tại sao vậy? Người*

*đời luận chứng bệnh chỉ mò mẫm vào chứng ngọn thối, khi thấy những chứng đó thì không chịu lục tìm xem lại sách thuốc, chỉ cố chấp lấy phương cổ, rồi cứ dùng theo phương đó, không hề xét đoán kỹ càng”. Điều Ông muốn đề cập đến là việc người thầy thuốc muốn chữa trị khỏi bệnh thì phải nghiên cứu kỹ càng, đào sâu y lý, nắm vững y thuật, thận trọng hành nghề.*

Vì vậy Ông dặn dò người thầy thuốc: *“Làm nghề y thì phải hiểu được sự biểu lý của tạng phủ ở trong, phải xét những môn khiếu của tạng phủ ở phía ngoài. Thế nào là tiên thiên, thế nào là hậu thiên, thế nào là thủy hỏa, thế nào là khí huyết âm dương. Lại nhìn vào hình sắc, nghe âm thanh, xét động tác ăn ở, hỏi nguyên nhân nào phạm tới, để định chia ra biểu lý, hàn nhiệt, hư thực. Lại tham hợp xem bốn loại mạch lớn: phù, sắc, trầm, trì để quyết đoán chắc chắn về việc nhận xét biểu lý, hàn nhiệt, hư thực. Vậy sáu chữ biểu lý, hàn nhiệt, hư thực là một phương pháp tốt cho nhà y chẩn xét bệnh.”* (Y nghiệp thần chương)

Thuyết Âm dương - Ngũ hành có vai trò quan trọng trong lý luận của y học cổ truyền phương Đông. Sự vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo này đã làm cho y học cổ

truyền các nước như Trung Quốc và Việt Nam có quan điểm biện chứng, tính hệ thống trong lý luận, tính khái quát và tổng hợp. Nhờ đó đã xây dựng được những trước tác kinh điển, đặc sắc của y học cổ truyền. Đây chính là nền tảng để ngành y học cổ truyền đứng vững và có nhiều thành tựu cũng như bước phát triển mới trong nhiều thế kỉ. Ở Việt Nam, thuyết Âm dương - Ngũ hành xuất hiện từ rất sớm và đã được nhiều nhà y vận dụng để trong y học cổ truyền cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn lâm sàng. Song, sự vận dụng đó thường mang tính phiến diện, hoặc không để lại trước tác cho đời sau, hoặc có để lại nhưng không còn lưu truyền. Đến khi bộ Hải Thượng y tông tâm lĩnh của Ông ra đời, thuyết Âm dương - Ngũ hành mới thực sự được đề cập một cách sâu sắc, toàn diện để xem xét mọi vấn đề của y học đương thời với tư cách là một cơ sở lý luận quan trọng của y học cổ truyền. Thuyết Âm dương - Ngũ hành là một học thuyết có tầm quan trọng đặc biệt và được Ông đề cập trong hầu hết các tác phẩm của mình, trong đó chủ yếu tập trung vào các quyển: *Khôn hoá thái chân, Nội kinh yếu chỉ, Đạo lưu dư vận, Y gia quan miện, Y hải cầu nguyên, Huyền tẩn phát vi, Vận khí bí*

điền,... Đặc biệt, trong cuốn “*Y gia quan miện*”, ông dành hẳn một mục riêng (Âm dương - Ngũ hành) để bàn sâu hơn về học thuyết này từ góc độ lý luận. Điều đó cho thấy, ông coi trọng vai trò của thuyết Âm dương - Ngũ hành đối với việc nhận thức và đặt cơ sở cho việc xây dựng lý luận và thực hành lâm sàng đối với y học cổ truyền. [8]

Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc giỏi, y thuật của Ông là sự gắn liền với những ca bệnh khó, tâm huyết với nghề, say mê nghiên cứu, chữa bệnh thành công cho nhiều người: “...càng ham học về nghề thuốc, trong thì giờ nhàn rỗi, không tiếc công phu nghiên cứu, bèn mui y học, càng thấy say sưa, mới bắt tay chữa bệnh, trước chữa người nhà, sau chữa người ngoài, đã được nhiều phen kinh nghiệm mới bạo dạn ra đi chữa bệnh cứu người. Trong một năm chữa khỏi hàng ngàn bệnh, không lấy gì làm khó, chỉ có một vài bệnh thể khó khỏi được, cũng phải tìm hết ra ngoài khuôn pháp rồi cũng chữa nổi, nhân đó chép thành nghiệm án, tốn bao giấy bút không biết rằng tự sức mình suy nghĩ được mà thành công chăng?” (Y dương án)

Hải Thượng Lãn Ông tiếp thu có chọn lọc kiến thức về y học cổ truyền trong và ngoài nước khi

biên soạn bộ Hải Thượng y tông tâm lĩnh, có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với vào điều kiện thực tế ở nước ta. Ông cho rằng: “*Nghề làm thuốc rất khó*”, và “*Phương là do sự bất chước mà đặt ra*”, nếu không phải người học rộng tài cao thì không sao biết được. Một minh chứng quan trọng cho quan điểm này của Ông đó là trong quyển 14 - “*Ngoại Cảm Thông Trị*”, Ông nhận định Lĩnh Nam ta (nước ta) không có chứng “*Thương hàn*”, bệnh phát sinh về mùa đông là cảm hàn, còn 3 mùa khác là cảm mạo. Và đồng thời nhấn mạnh thêm “*tuyệt đối không nên dùng bài Ma hoàng thang, Quế chi thang*”. Môn thương hàn từ xưa đến nay đều noi theo Trương Trọng Cảnh, xem về lập pháp chế phương, tinh diệu như thần, mà chủ yếu là: nhận xem tà khí ở nơi nào để khu trừ kịp thời, khiến khỏi hại đến chính khí. Ông cũng cho rằng “*những loại sách thuốc có ý nghĩa đầy đủ sâu xa, không gì bằng hai bộ Thương hàn luận và Y học nhập môn*” và chuyên tâm học tập nghiên cứu một thời gian tới 5 năm. Nhưng về phần mình, Ông lập luận: phương Bắc (Trung Quốc) gió nhiều, đất ráo, khí hậu rất rét, người sinh trưởng ở miền đó bầm thụ cường tráng, tấu lý (da thưa) chặt chẽ có

thể chống chọi được với khí hàn, thỉnh thoảng thừa chỗ hờ (như sức yếu) mà xâm nhập vào được mà phát bệnh ngay, hoặc không phát bệnh ngay. Đó là cái lý “*thời xâm nhập vào khó, thời thoát ra cũng khó*”. Còn như nước ta khu vực đông nam gần mặt trời (đường xích đạo), mùa đông thường ấm, hơi lao động đã toát mồ hôi. Mồ hôi dễ thoát như vậy “*trung khí do đó mà hư*” nên hơi gặp rét cũng có thể cảm nhiễm được ngay. Nên như vậy sự cảm nhiễm đó là nông chứ không sâu như người phương Bắc. Do đó mà suy ra những chứng Thương hàn ở đây không phải là “chân Thương hàn” có tính chất nặng, mà chỉ là một chứng do “*hư mà cảm mạo*” thuộc cảm hàn. Cho nên phạm những chứng bệnh phát về mùa Đông của nước ta đều gọi là “*cảm hàn*”. Những chứng bệnh phát sinh về 3 mùa Xuân, Hạ, Thu đều là “*cảm mạo thời khí*” mà thôi. Ông đã chuyên tâm nghiên cứu và vận dụng về “Thương hàn luận” trong điều trị nhưng cũng linh hoạt căn cứ vào tính chất khí hậu vùng miền khác nhau mà chọn lọc vận dụng, và đưa ra những vấn đề không phù hợp nhằm nhắc nhở đời sau cần lưu tâm chú ý.

Y đức của người thầy thuốc là cái gốc, là nền tảng quan trọng nhất của người thầy thuốc, nhưng

chỉ có y đức không là chưa đủ mà phải cần có y lý và y thuật mới có thể chữa trị và cứu sống được người bệnh. Y lý và y thuật phát triển trên nền tảng của y đức, gắn liền và có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với y đức. Từ những trích dẫn ở trên có thể thấy Hải Thượng Lãn Ông là người thầy thuốc tài năng, đức độ.

## **V. KẾT LUẬN**

Hải Thượng Lãn Ông sâu sắc về y lý và giỏi về y thuật, nhưng nổi bật hơn cả, y đức của Ông chính là tấm gương sáng cho các thế hệ thầy thuốc noi theo.

Hải Thượng Lãn Ông với 9 điều trong “*Y huấn cách ngôn*” để răn dạy người thầy thuốc hiện nay vẫn còn nguyên giá trị, đó chính là khuôn phép, nguyên tắc của người hành nghề y dược. Những quan điểm tiến bộ về y đức của Ông còn góp phần xây dựng nền y đức Việt Nam.

Ông đưa ra những vấn đề về y đức, y lý và y thuật trong Hải Thượng y tông tâm lĩnh một cách đầy đủ, hệ thống, khoa học và sâu sắc, hiếm có trong lịch sử y học Việt Nam. Cùng với thời gian, y đức, y lý và y thuật của Ông vẫn tỏa sáng và được hậu thế lưu truyền qua năm tháng.

Gần 45 năm qua các thầy thuốc Viện YHCT Quân đội, luôn thực hiện tốt phương châm “Sáng về y đức, sâu về y lý, giỏi về y thuật”, xây dựng Viện ngày càng phát triển.

Các thầy thuốc ngày nay cần tiếp tục kế thừa, tiếp thu di huấn của Hải Thượng Lãn Ông về y đức, đồng thời luôn ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ “Lương y như từ mẫu” và Quy định về y đức của Bộ Y tế để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. **Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác** (2005), *Hải Thượng y tông Tâm Lĩnh*, NXB Y học, Hà Nội.
2. **Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác** (1972), *Hải Thượng y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà Sách Khai Trí, Sài Gòn. *Bản dịch: Đình Thụ Hoàng Văn Hòe và cộng sự.*
3. **GS. Nguyễn Văn Thang** (2001), *Khái yếu tác phẩm Hải*

*Thượng y tông tâm lĩnh của Hải Thượng Lãn Ông*. NXB Y Học, Hà Nội.

4. **Yveline Fe'ray** (2014), *Lãn Ông*, NXB Văn hóa - Văn nghệ, Người dịch: Lê Trọng Sâm.
5. **Lê Mai Hương** (2012), *Tư tưởng đạo đức nhân sinh của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác*. Luận Văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn Hồ Chí Minh.
6. **Lý Kinh Vỹ, Dư Doanh Ngao, Thái Cảnh Phong** (1996), *Từ điển Tinh hoa Thuật ngữ danh từ Đông y*, NXB khoa học kỹ thuật Thiên Tân, Trung Quốc, trang 886.
7. **Bộ Y tế** (1996), *Quy định về y đức - tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế*, Quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 6/11/1996.
8. **Trần Thị Huyền** (2002), *Thuyết âm dương ngũ hành với tác phẩm “Hoàng đế nội kinh” và “Hải Thượng y tông tâm lĩnh”*, Luận án tiến sĩ triết học, Viện Triết học.